

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 466/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thu S, sinh ngày 26/02/1996,

ĐKKHKT: Xóm T, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số G, ngõ B T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người được chị S ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh Nguyễn Sỹ A, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số E N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh ngày 20/10/1994,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm T, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.
Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Xóm T, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị Thu S trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 15/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình anh H. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan. Do tính chất công việc nên anh chị không sống cùng nhau mà thỉnh thoảng mới gặp nhau từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bên cạnh đó anh H chơi bời cờ bạc, nợ nần, chị khuyên bảo nhưng anh không nghe, hơn nữa anh H đã có người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, tháng 3/2023 chị về nước, anh H vẫn đang lao động tại Đài Loan. Chị xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thiên P, sinh ngày 28/12/2015, hiện con đang ở với bà Phạm Thị V (mẹ đẻ anh H). Do con ở với ông bà nội từ nhỏ, con có cuộc sống ổn định và có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội nên chị đề nghị giao con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam, chị nhất trí giao con cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Sỹ A thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, anh A đã thông báo cho chị biết, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị S không cung cấp được địa chỉ của anh H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Bà Phạm Thị V (là mẹ đẻ anh H) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết, thông qua gia đình anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị S xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị S trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh nhất trí việc chị S tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi

con đủ 18 tuổi. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho bà V chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị V nhất trí thay anh H chăm sóc cháu Hoàng Thiên P cho đến khi anh H về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu P.

Con chung của chị S và anh H là cháu Hoàng Thiên P có nguyện vọng được ở với anh H và bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Thu S ly hôn anh Hoàng Văn H. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thiên P cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao con Hoàng Thiên P cho bà Phạm Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam. Chị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị Thu S hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Hoàng Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở xóm T, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh H đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà V là mẹ đẻ anh H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh H đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà V vẫn liên lạc với anh H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh H. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật

tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thu S và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 15/01/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên anh chị không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi. Từ đó anh H chơi bời, nợ nần và nghi ngờ tình cảm của nhau, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tháng 3/2023 chị về nước và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Thông qua gia đình anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị S xin ly hôn nên anh nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hà Thị Thu S và anh Hoàng Văn H có 01 con chung là Hoàng Thiên P, sinh ngày 28/12/2015, hiện con đang ở với bà Phạm Thị Vĩnh. Chị S và anh H thống nhất giao con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị S tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Con chung Hoàng Thiên P có nguyện vọng được ở với anh H và bà V. Anh H ủy quyền cho bà Phạm Thị V chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị S cấp dưỡng tiền nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Hoàng Thiên P cho bà Phạm Thị V nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh H xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị V xác định thời gian chị S làm thủ tục nước ngoài, bà bỏ ra 70.000.000đ để lo cho chị S đi. Tuy nhiên, hiện tại bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của bà V trong vụ án này. Bà V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của bà sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3]. Về án phí: Chị Hà Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thu S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Thu S ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Hoàng Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Thiên P, sinh ngày 28/12/2015 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Hoàng Thiên P cho bà Phạm Thị V nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị S không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001274 ngày 24/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Sỹ A nộp thay). Chị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Hà Thị Thu S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Thu S và bà Phạm Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Hoàng Văn H được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường